



ĐẢM BẢO AN NINH NĂNG LƯỢNG

Nguồn: Yergin, Daniel (2006). “Ensuring Energy Security”, *Foreign Affairs*, Vol. 85, No. 2 (Mar - Apr), pp. 69-82

Biên dịch: Trần Thạch Thương Thương | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Câu hỏi cũ, đáp án mới

Trước chiến tranh thế giới thứ nhất, người đứng đầu Cục Hải quân hoàng gia Winston Churchill đã có một quyết định mang tính lịch sử, đó là chuyển đổi nguồn năng lượng cho tàu hải quân Anh từ than đá sang dầu khí. Ông hướng tới xây dựng hạm đội quốc gia hùng mạnh hơn đối thủ là nước Đức. Nhưng điều đó cũng có ý nghĩa rằng Hải quân Hoàng gia Anh sẽ không còn phụ thuộc vào nguồn than đá ở xứ Wales mà phụ thuộc vào nguồn cung cấp dầu thô hết sức bấp bênh từ Ba Tư. Điều này đã khiến an ninh năng lượng trở thành một câu hỏi trong chiến lược quốc gia. Câu trả lời của Churchill khi ấy là gì? Đó là: “Sự an toàn và ổn định của dầu mỏ nằm trong sự đa dạng và chỉ có sự đa dạng [về nguồn cung] mà thôi.”

Sau quyết định của Churchill, an ninh năng lượng đã nhiều lần nổi lên như một vấn đề quan trọng, và ngày nay cũng thế. Nhưng hiện tại cần xem xét lại, bởi quan niệm truyền thống về an ninh năng lượng trong vòng ba thập kỉ qua còn quá hẹp và cần được mở rộng để bổ sung nhiều yếu tố mới. Hơn nữa, cần phải nhận thấy rằng an ninh năng lượng không phải là vấn đề riêng lẻ của quốc gia nào mà nó nằm sâu bên trong những mối quan hệ rộng lớn giữa các quốc gia và cách mà các nước tương tác với nhau.

An ninh năng lượng sẽ là chủ đề hàng đầu trong hội nghị ở St.Peterburg vào tháng 7 của nhóm tám nước công nghiệp hóa phát triển (G8). Sự tái tập trung chú ý vào an ninh năng lượng được thúc đẩy một phần bởi thị trường dầu mỏ cực kì khốc liệt cũng như do giá dầu cao gấp đôi trong ba năm gần đây. Hơn nữa, nó còn được thúc đẩy bởi chủ nghĩa khủng bố, sự bất ổn ở các quốc gia xuất khẩu, phản ứng từ chủ nghĩa dân tộc, mối lo ngại về sự tranh

giành nguồn cung, sự đối đầu về địa chính trị, và nhu cầu cơ bản của các quốc gia về năng lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế. Trong bối cảnh đó, mối lo ngại tái xuất hiện đến từ việc liệu sẽ có đủ nguồn cung dầu để đáp ứng nhu cầu của thế giới trong vài thập niên nữa hay không.

Mối quan tâm về an ninh năng lượng không chỉ tập trung vào dầu mỏ. Các đợt mất điện ở cả hai bờ Đông và bờ Tây nước Mỹ, ở châu Âu, và ở Nga, cùng với tình trạng thiếu điện thường xuyên ở Trung Quốc, Ấn Độ, và những quốc gia đang phát triển khác, đã làm dấy lên mối lo ngại về mức độ ổn định của hệ thống cung ứng điện. Đối với khí tự nhiên, việc cầu tăng lên và nguồn cung bị hạn chế đã cho thấy vùng Bắc Mỹ đã không còn có thể tự cung tự cấp, do đó nước Mỹ đang dần tham gia vào thị trường mới về khí tự nhiên của thế giới, và điều này sẽ tạo ra mối liên kết chưa từng thấy trong lịch sử giữa các quốc gia, các lục địa và giá cả.

Cùng lúc đó, một loạt những điểm yếu đã dần lộ rõ. Tổ chức Al Queda đã đe dọa tấn công vào cái mà Osama bin Laden gọi là “bản lề” của nền kinh tế thế giới, đó là cơ sở hạ tầng trọng yếu, trong đó năng lượng là một trong các nhân tố quan trọng nhất. Thế giới sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào những nguồn cung mới từ những nơi có hệ thống an ninh đang được phát triển, như các mỏ dầu hay khí tự nhiên ngoài khơi Tây Phi và ở biển Caspi. Những điểm yếu không chỉ đến từ mối đe dọa của chủ nghĩa khủng bố, bất ổn chính trị, xung đột vũ trang, và cướp biển. Vào tháng 8 và tháng 9 năm 2005, bão Katrina và bão Rita đã gây ra cú sốc toàn diện về năng lượng đầu tiên trên thế giới, làm gián đoạn nguồn cung dầu mỏ, khí tự nhiên và nguồn điện cùng lúc.

Những sự kiện xảy ra từ đầu năm nay đã cho thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề. Tranh chấp về khí tự nhiên giữa hai nước Nga và Ukraina tạm thời đã làm ngắt nguồn cung cấp cho châu Âu. Căng thẳng gia tăng liên quan đến chương trình hạt nhân của Tehran khiến xuất hiện mối đe dọa rằng Iran, quốc gia sản xuất dầu lớn thứ hai của OPEC, sẽ “khởi động một cuộc khủng hoảng dầu mỏ”. Ngoài ra, những cuộc tấn công rải rác vào một số mỏ dầu cũng làm suy giảm lượng dầu xuất khẩu của Nigeria, quốc gia cung cấp dầu quan trọng cho Hoa Kỳ.

Kể từ thời Churchill, chìa khóa giải quyết vấn đề an ninh năng lượng vẫn là sự đa dạng hóa. Điều này vẫn đúng, nhưng cũng cần chú ý đến cách tiếp cận rộng hơn, trong đó có tính tới sự phát triển nhanh chóng của ngành thương mại năng lượng toàn cầu, những điểm yếu của chuỗi cung ứng, chủ nghĩa khủng bố, và sự hội nhập của các nền kinh tế mới vào thị trường thế giới.

Mặc dù, ở các nước đã phát triển định nghĩa thông thường của an ninh năng lượng đơn giản là sự sẵn có đầy đủ những nguồn cung ở các mức giá thỏa đáng, nhưng những quốc gia khác lại hiểu khái niệm này theo nhiều cách hoàn toàn khác nhau. Các quốc gia xuất khẩu năng lượng sẽ nhấn mạnh khía cạnh “đảm bảo nguồn cầu” trong hoạt động xuất khẩu

của mình, vốn tạo ra đa số ngân sách cho các chính phủ của họ. Như trường hợp nước Nga, mục tiêu của họ là nhằm xác lập lại quyền kiểm soát của nhà nước đối với “các tài nguyên chiến lược” và các đường ống dẫn chính cũng như các kênh thị trường mà thông qua đó nước này vận chuyển các sản phẩm dầu khí đến thị trường thế giới. Vấn đề đặt ra cho các quốc gia đang phát triển lại là những thay đổi về giá cả năng lượng sẽ ảnh hưởng đến cán cân thanh toán của các quốc gia đó như thế nào. Đối với Trung Quốc và Ấn Độ, khái niệm an ninh năng lượng hiện được hiểu là khả năng nhanh chóng thích ứng với sự phụ thuộc xuất hiện gần đây của các nước này vào thị trường thế giới, vốn là một sự thay đổi lớn so với những quyết tâm nhằm tự cung tự cấp năng lượng trước đây. Đối với Nhật Bản, an ninh năng lượng lại có nghĩa là hạn chế mặt tiêu cực của tình trạng khan hiếm gay gắt nguồn tài nguyên trong nước thông qua sự đa dạng hóa nguồn năng lượng, các hoạt động thương mại và đầu tư. Ở Châu Âu, hầu hết các quốc gia, trừ nước Pháp và Phần Lan, đang có những tranh luận chủ yếu tập trung vào cách giảm sự phụ thuộc vào khí tự nhiên nhập khẩu bằng cách xây dựng những nhà máy điện hạt nhân mới hoặc có lẽ sẽ dùng lại than đá (sạch). Còn nước Mỹ thì phải đối mặt với thực tế không mấy dễ chịu, đó là mục tiêu quốc gia về “độc lập năng lượng”, một thuật ngữ vốn đã trở thành khẩu hiệu kể từ khi được Tổng thống Nixon nêu ra bốn tuần sau lần cấm vận dầu mỏ năm 1973, đang ngày càng xa rời thực tế.

Những cú sốc đối với cung và cầu

Sau cuộc chiến tranh vùng Vịnh Ba Tư, mối lo ngại về an ninh năng lượng dường như lắng lại. Nỗ lực của Saddam Hussein nhằm khống chế khu vực vùng Vịnh Ba Tư đã thất bại, và có vẻ như thị trường dầu mỏ thế giới vẫn là một thị trường (hơn là trở thành công cụ thao túng chính trị của Saddam) và những nguồn cung dầu mỏ vẫn sẽ dồi dào ở những mức giá vừa phải, không làm cản trở nền kinh tế thế giới. Nhưng 15 năm sau, giá lên cao, và nỗi lo sợ về tình trạng thiếu hụt đã bao trùm các thị trường năng lượng. Chuyện gì đã xảy ra? Câu trả lời sẽ được tìm thấy ở cả khía cạnh thị trường lẫn chính trị.

Thập kỉ vừa qua đã chứng kiến sự tăng lên đáng kể của nhu cầu thế giới đối với dầu mỏ, chủ yếu vì sự phát triển kinh tế vượt bậc của những nước đang phát triển, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ. Tới năm 1993, Trung Quốc vẫn đang có thể tự cung tự cấp dầu mỏ cho mình. Từ đó, GDP nước này tăng khoảng gấp ba lần, và nhu cầu về dầu cũng tăng gấp đôi. Hiện nay, Trung Quốc đang nhập khẩu ba triệu thùng dầu mỗi ngày, chiếm khoảng một nửa tổng lượng dầu tiêu thụ của nước này. Thị phần của Trung Quốc trong thị trường dầu mỏ thế giới chiếm khoảng 8%, nhưng nước này chiếm tới 30% tổng lượng cầu tăng lên của thế giới từ năm 2000. Cũng từ năm 2000, nhu cầu dầu mỏ thế giới tăng khoảng 7 triệu thùng/ngày; trong đó, 2 triệu thùng thuộc về Trung Quốc. Lượng tiêu thụ dầu của Ấn Độ hiện tại ít hơn Trung Quốc 40%, nhưng do Ấn Độ đang tiến vào giai đoạn mà nhà kinh tế học Vijjan Kelkar gọi là “tăng trưởng nhanh đi kèm chi phí cao” (“growth turnpike”), nên lượng cầu dầu mỏ sẽ càng tăng nhanh. (Trớ trêu thay, tốc độ tăng trưởng cao hiện nay của

Ấn Độ một phần xuất phát từ sự tăng vọt của giá dầu trong thời gian chiến tranh vùng Vịnh Ba Tư 1990-1991. Cú sốc cán cân thanh toán vì lí do này khiến Ấn Độ hầu như không còn dự trữ ngoại tệ, tạo điều kiện cho các cải cách khởi xướng bởi Bộ trưởng Tài chính Manmohan Singh, hiện đang là Thủ tướng Ấn Độ.)

Tác động của việc tăng trưởng ở Trung Quốc, Ấn Độ, và các nước khác đến nhu cầu thế giới về năng lượng ngày càng lớn. Trong những năm 1970, Bắc Mỹ tiêu thụ lượng dầu nhiều gấp hai lần châu Á. Năm ngoái, lần đầu tiên, lượng dầu tiêu thụ ở châu Á vượt qua khu vực Bắc Mỹ.

Theo những dự báo của Hiệp hội Nghiên cứu Năng lượng Cambridge (CERA), xu hướng này sẽ tiếp tục với việc châu Á sẽ chiếm một nửa trong tổng mức tăng tiêu thụ dầu thế giới trong 15 năm kế tiếp. Tuy nhiên, ảnh hưởng ngày càng tăng của châu Á chỉ trở nên rõ ràng vào năm 2004, khi nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong vài thập kỷ đã tạo ra “cú sốc cầu”, cụ thể là sự gia tăng lượng dầu tiêu thụ bất ngờ của thế giới, được thể hiện qua việc tỉ lệ này tăng nhanh hơn gấp đôi tỉ lệ tăng trưởng trung bình hằng năm trong thập niên trước. So với năm 2003, lượng cầu của Trung Quốc năm 2004 tăng bất thường đến 16%, một phần do sự thiếu điện đã dẫn đến việc sử dụng dầu tăng đột biến để phát điện thay thế. Lượng tiêu thụ dầu ở Mỹ, cũng như ở các nước khác, tăng mạnh vào năm 2004. Kết quả là thị trường dầu mỏ đã trở nên khan hiếm nhất trong ba thập kỷ qua (trừ vài tháng đầu sau khi Saddam xâm lược Kuwait năm 1990). Hầu như không còn giếng dầu nào có thể tăng thêm công suất. Tình hình này vẫn tồn tại đến ngày nay, với thêm một vấn đề khác. Lượng dầu bổ sung có thể được sản xuất không thể dễ dàng tiêu thụ vì không đủ chất lượng để được chế biến bởi các nhà máy lọc dầu hiện có trên thế giới.

Khả năng lọc dầu là một hạn chế lớn cho vấn đề cung cấp, vì yêu cầu đối với sản phẩm của người tiêu dùng thế giới so với năng lực của nhà máy lọc dầu có sự chênh lệch rõ nét. Không chỉ riêng nước Mỹ, thực tế khả năng lọc dầu hạn chế là vấn đề của toàn thế giới. Nhu cầu thế giới tăng nhiều nhất ở “sản phẩm chung cất trung gian”, gồm dầu diesel, nhiên liệu máy bay, và dầu thấp. Diesel là nhiên liệu được ưa chuộng nhất ở châu Âu, nơi có một nửa số dân tiêu thụ xe động cơ diesel. Nó cũng được sử dụng ngày càng nhiều để phục vụ phát triển kinh tế ở châu Á, không chỉ trong giao thông vận tải mà còn cho việc sản xuất điện. Tuy nhiên, hệ thống lọc dầu toàn cầu không đủ công suất chuyển đổi sâu từ dầu thô nặng sang các sản phẩm chung cất trung gian. Sự thiếu hụt công suất này đã tạo ra nhu cầu bổ sung đối với các sản phẩm dầu thô nhẹ, bao gồm các loại theo chuẩn WTI (West Texas Intermediate), khiến giá dầu càng tăng hơn nữa.

Những yếu tố khác, bao gồm các vấn đề ở vài quốc gia xuất khẩu năng lượng lớn, cũng góp phần làm tăng giá dầu. Thực tế, giai đoạn giá dầu tăng cao hiện tại bắt đầu vào cuối năm 2002 và đầu năm 2003, ngay trước lúc bắt đầu chiến tranh Iraq, khi quyết tâm của Tổng thống Hugo Chávez trong việc củng cố kiểm soát đối với hệ thống chính trị, các công ty dầu mỏ quốc doanh, cũng như doanh thu từ dầu mỏ của Venezuela, đã làm nổ ra các cuộc

đình công và biểu tình. Điều này dẫn đến việc gián đoạn sản xuất dầu của Venezuela, một trong những quốc gia xuất khẩu dầu ổn định nhất từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Lượng dầu cung cấp cho thị trường thế giới bị sụt giảm do những cuộc đình công khá đáng kể, thậm chí còn nhiều hơn so với ảnh hưởng của chiến tranh Iraq đối với các nguồn cung dầu. Sản lượng dầu của Venezuela vẫn chưa hoàn toàn phục hồi, và hiện thấp hơn khoảng 500.000 thùng mỗi ngày so với mức sản lượng trước khi nổ ra các cuộc đình công.

Chế độ sụp đổ của Saddam không phóng hỏa hết các cơ sở sản xuất dầu trong suốt cuộc chiến tranh năm 2003 như nhiều người lo ngại, nhưng việc sản lượng dầu của Iraq sẽ tăng nhanh sau cuộc chiến mà nhiều người kỳ vọng cũng chắc chắn đã không xảy ra. Hàng chục tỉ đô la cần có để đưa tổng sản lượng của nước này trở lại mức đỉnh điểm 3,5 triệu thùng mỗi ngày như năm 1978 đã không được đầu tư do những cuộc tấn công không ngừng nhằm vào cơ sở hạ tầng và lực lượng lao động, lẫn sự bất ổn của hệ thống pháp luật và chính trị Iraq cũng như khuôn khổ pháp lý hợp đồng cho việc đầu tư. Kết quả là, lượng dầu xuất khẩu của Iraq thấp hơn so với mức trước chiến tranh từ 30% đến 40%.

Trái lại, hơn năm năm qua, những mỏ dầu ở Nga đang đóng vai trò trung tâm đối với tăng trưởng nguồn cung của thế giới, cung cấp khoảng 40% tổng sản lượng dầu cho thế giới từ năm 2000. Nhưng sự gia tăng sản lượng dầu mỏ ở Nga đã chậm lại đáng kể trong năm qua do những rủi ro chính trị, thiếu vốn đầu tư, chính sách chính phủ hay thay đổi, những rào cản trong việc điều tiết, và những thách thức về mặt địa chất ở một số vùng. Trong khi đó, dù một số quốc gia cung cấp dầu lớn phải đối mặt với những khó khăn như vậy, nhưng những nguồn cung dầu ít được chú ý hơn, ví dụ như những mỏ ngoài khơi Brazil và Angola, lại đang tăng sản lượng – cho đến khi bão Katrina và Rita đã làm gián đoạn 27% sản lượng khai thác dầu của nước Mỹ (cũng như 21% khả năng lọc dầu của các nhà máy ở nước này). Tới cuối tháng 1 năm 2006, một số dàn khoan ở Mỹ vốn có thể sản xuất đến 400.000 thùng dầu một ngày trước khi xảy ra các cơn bão vẫn chưa thể hoạt động trở lại. Nhìn chung, bài học trong những năm vừa qua đã chứng minh rằng thị trường khan hiếm là thị trường dễ tổn thương trước các biến cố.

Tất cả những vấn đề trên đã làm dấy lên đợt lo ngại mới về việc thế giới sẽ cạn kiệt dầu. Những đợt lo ngại này đã diễn ra lặp đi lặp lại từ những năm 1880. Nhưng sản lượng dầu mỏ của thế giới thực tế đã tăng khoảng 60% từ những năm 1970, lần gần nhất mà thế giới được cho là không còn dầu. (Cú sốc cầu năm 2004 đã gây nhiều chú ý hơn sự kiện giảm cầu năm 2005, khi mức tiêu thụ của Trung Quốc hoàn toàn không tăng lên và mức cầu thế giới đã quay về mức tăng trung bình của thời kỳ 1994 – 2003). Mặc dù những bàn tán về việc sản lượng dầu sắp đạt tới mức đỉnh và sau đó là sự giảm sút nhanh chóng đã trở nên quen thuộc, nhưng phân tích từng dự án và kế hoạch khai thác từng mỏ dầu mới của CERA đã chỉ ra rằng năng lực sản xuất ròng có thể tăng lên từ 20 đến 25% trong thập niên tiếp theo. Bất chấp tình trạng bi quan hiện tại, giá dầu cao sẽ dẫn tới một hệ quả tất yếu: nguồn cung nhiên liệu sẽ tăng lên nhờ đầu tư tăng đáng kể cũng như nhờ việc biến những dự án có cơ hội ít ỏi

thành những triển vọng thương mại (tất nhiên, còn có tác động hạn chế bớt nguồn cầu và kích thích sự phát triển các năng lượng thay thế).

Một phần lớn khả năng cung cấp dầu gia tăng này đang được thực hiện. Phần nhiều sẽ nhờ vào việc khai thác những nguồn cung phi truyền thống, từ cát dầu ở Canada (hay còn gọi là cát hắc ín) đến những mỏ dầu ở tầng nước cực sâu tới các loại nhiên liệu giống diesel chất lượng cao có nguồn gốc từ khí tự nhiên – tất cả đều trở nên có thể nhờ các tiến bộ về công nghệ. Tuy nhiên, những nguồn cung truyền thống cũng sẽ gia tăng: Ả-rập Xê-út đang trên đà tăng năng suất khoảng 15%, tương đương với mức 12 triệu thùng dầu mỗi ngày vào năm 2009, và các dự án khác đang được triển khai khắp nơi, như ở biển Caspi và thậm chí ở các giếng dầu ngoài khơi nước Mỹ. Mặc dù các công ty năng lượng sẽ phải thăm dò dầu khí trong các môi trường khó khăn, nhưng cản trở lớn nhất đối với việc tăng nguồn cung không phải là về mặt địa chất mà là về mặt con người, cụ thể là, các vấn đề quốc tế, chính trị, quyết định của chính phủ, cũng như việc phát triển công nghệ mới và đầu tư cho năng lượng. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng những dự đoán hiện tại cho thấy rằng sau năm 2010 sẽ có ít quốc gia hơn có khả năng tăng nguồn cung so với hiện nay, điều này có thể làm trầm trọng thêm các lo ngại về an ninh.

Một khuôn khổ mới

Hệ thống an ninh năng lượng hiện nay được thiết lập nhằm phản ứng lại sự kiện cấm vận dầu mỏ Arab năm 1973, với mục tiêu đảm bảo sự điều phối giữa các nước công nghiệp hóa trong trường hợp nguồn cung bị gián đoạn, khuyến khích sự hợp tác về chính sách năng lượng, tránh việc đổ xô tranh giành nguồn cung, và ngăn chặn việc các nước xuất khẩu sử dụng “vũ khí dầu mỏ” trong tương lai. Những nhân tố chính trong hệ thống này là Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) với trụ sở chính ở Paris, bao gồm các thành viên là các quốc gia công nghiệp hóa; các kho dự trữ dầu chiến lược, bao gồm Cơ quan Dự trữ Dầu Chiến lược của Mỹ; sự giám sát và phân tích liên tục các chính sách và thị trường năng lượng; bảo tồn năng lượng và chia sẻ khẩn cấp nguồn cung dầu trong trường hợp khủng hoảng. Hệ thống dự phòng khẩn cấp được thiết lập nhằm hạn chế trường hợp gián đoạn nguồn cung lớn đe dọa sự ổn định và nền kinh tế thế giới, chứ không phải nhằm điều tiết giá cả và các loại hàng hóa. Kể từ khi hệ thống ra đời những năm 1970, sự suy giảm kho dầu dự phòng chiến lược khẩn cấp có điều phối đã từng xảy ra hai lần: trước cuộc Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 và sau cơn bão Katrina vào mùa thu năm 2005. (Hệ thống này cũng được đặt trong tình trạng sẵn sàng sử dụng trước ngày 1 tháng 1 năm 2000 do lo ngại về những vấn đề tiềm tàng từ vụ lỗi máy tính Y2K, trong suốt khoảng thời gian sản xuất dầu mỏ bị đình trệ ở Venezuela năm 2002 – 2003, và vào mùa xuân năm 2003, trước khi chiến tranh Iraq xảy ra.)

Lịch sử cho thấy để duy trì an ninh năng lượng, các quốc gia phải chấp nhận một số nguyên tắc. Nguyên tắc đầu tiên và quen thuộc nhất chính là điều mà Churchill đã thúc dục

hơn 90 năm về trước: đó là đa dạng hóa nguồn cung. Sự đa dạng này sẽ làm giảm ảnh hưởng của việc gián đoạn nguồn cung nhờ có những nguồn khác thay thế, cũng như mang lại thị trường ổn định, vốn là mối quan tâm hàng đầu của cả người tiêu dùng lẫn người sản xuất. Nhưng chỉ đa dạng hóa thì chưa đủ. Qui tắc thứ hai là khả năng hồi phục nhanh, một “khoảng dư an ninh” trong hệ thống cung cấp năng lượng cho phép tạo ra vùng đệm chống lại những cú sốc và tạo điều kiện hồi phục sau khủng hoảng. Khả năng hồi phục còn đến từ nhiều yếu tố, bao gồm năng suất dự phòng đủ lớn, các kho dự trữ chiến lược, nguồn cung thiết bị dự phòng, khả năng dự trữ đầy đủ theo chuỗi cung ứng, việc dự phòng đầy đủ các máy móc phụ tùng thiết yếu cho việc sản xuất và phân phối điện, cũng như những kế hoạch suy tính thận trọng nhằm ứng phó với việc gián đoạn nguồn cung trên diện rộng. Vì vậy, nguyên tắc thứ ba là sự nhận thức về bản chất liên kết. Chỉ có một thị trường dầu mỏ duy nhất, một hệ thống phức tạp và rộng khắp toàn cầu vận chuyển và tiêu thụ khoảng 86 triệu thùng dầu mỗi ngày. Đối với tất cả các quốc gia tiêu dùng, an ninh phụ thuộc vào sự ổn định của thị trường này. Tách biệt khỏi nó không phải là một lựa chọn khả dĩ.

Nguyên tắc thứ tư chính là tầm quan trọng của thông tin. Thông tin chất lượng cao sẽ làm nền tảng cho thị trường thực hiện tốt chức năng. Ở cấp độ quốc tế, IEA đã dẫn đường trong việc cải thiện dòng chảy thông tin về thị trường thế giới và những triển vọng ngành công nghiệp năng lượng. Công việc này cũng đang được hỗ trợ bởi Diễn đàn Năng lượng Quốc tế (IEF), vốn sẽ tìm cách hợp nhất các thông tin từ nhà sản xuất và người tiêu dùng. Thông tin đóng vai trò quan trọng không kém trong các cuộc khủng hoảng, bởi khi đó sự hoảng sợ của người tiêu dùng có thể bị kích thích bởi sự kết hợp giữa gián đoạn nguồn cung thực tế, các tin đồn và nỗi sợ hãi. Trong khi đó, sự thật có thể bị che lấp bởi những lời buộc tội, những mâu thuẫn, sự phẫn nộ, và sự truy tìm bằng chứng cho các thuyết âm mưu, từ đó khiến cho thực trạng đã xấu càng xấu hơn. Những lúc như vậy, chính phủ và lĩnh vực tư nhân nên hợp tác để đối phó với sự hoảng loạn bằng những thông tin kịp thời, chính xác. Chính phủ Mỹ có thể tăng cường sự linh hoạt và điều chỉnh của thị trường bằng cách thúc đẩy liên lạc với các doanh nghiệp và cho phép trao đổi thông tin giữa họ với nhau, và nếu cần sẽ đi kèm các biện pháp chống độc quyền phù hợp.

Nguyên tắc thứ năm không kém phần quan trọng, đó là: những năm qua đã cho thấy rõ sự cần thiết mở rộng khái niệm an ninh năng lượng theo hai chiều: sự công nhận tính toàn cầu hóa của hệ thống an ninh năng lượng, điều có thể đạt được nhờ sự tham gia của Trung Quốc và Ấn Độ; và sự thừa nhận sự thật rằng toàn bộ chuỗi cung ứng năng lượng đang cần được bảo vệ.

Cơn khát năng lượng của Trung Quốc đã trở thành một yếu tố không thể thiếu trong kịch bản các tiểu thuyết và phim ảnh. Thậm chí trong thế giới thực, rõ ràng Mỹ đã nhận ra chiến lược lớn của Trung Quốc nhằm giành lấy những nguồn cung khí đốt và dầu mỏ mới trước mũi Mỹ và các nước phương Tây, và một vài nhà chiến lược ở Bắc Kinh lo ngại rằng Hoa Kỳ sẽ tìm cách cản trở những nguồn cung năng lượng ở nước ngoài của Bắc Kinh.

Nhưng thực tế không đến mức gay gắt như vậy. Ví dụ như, trái với những sự chú ý dành cho nỗ lực trong giành các mỏ dầu nước ngoài của Trung Quốc, tổng sản lượng dầu mà Trung Quốc hiện sản xuất bên ngoài biên giới quốc gia mỗi ngày chỉ tương đương khoảng 10% sản lượng thường nhật của một trong những công ty dầu mỏ lớn nhất [thế giới]. Nếu có một cuộc tranh cãi lớn giữa Mỹ và Trung Quốc liên quan đến dầu mỏ hay khí đốt, thì có lẽ sẽ không phải do sự cạnh tranh khai thác tài nguyên giữa hai nước, mà là vì việc khai thác dầu đã trở thành một phần của các vấn đề chính sách đối ngoại rộng lớn hơn (như mâu thuẫn đối với một chế độ cụ thể nào đó, hay về cách đáp trả chương trình hạt nhân của Iran như thế nào). Thực ra, theo quan điểm của người tiêu dùng ở Bắc Mỹ, châu Âu, và Nhật Bản, đầu tư của Trung Quốc và Ấn Độ trong việc phát triển những nguồn cung năng lượng mới khắp thế giới không phải là một mối đe dọa mà là điều đáng mong muốn, vì như vậy sẽ có thêm nhiều năng lượng cung cấp cho mọi người trong những năm tiếp theo.

Hơn nữa, việc đưa hai quốc gia lớn này vào mạng lưới đầu tư và thương mại thế giới sẽ là giải pháp cấp bách và khôn ngoan hơn so với việc để hai nước này đi theo hướng chủ nghĩa trọng thương, song phương giữa các nhà nước tách biệt. Việc này đòi hỏi cần phải hiểu Trung Quốc và Ấn Độ nhìn nhận an ninh năng lượng đối với họ nghĩa là gì. Cả hai nước đã nhanh chóng chuyển từ tự cung tự cấp sang hội nhập vào nền kinh tế thế giới, có nghĩa là hai nước sẽ ngày càng phụ thuộc vào thị trường thế giới nhiều hơn, bởi cả hai gặp áp lực lớn trong việc mang lại tăng trưởng kinh tế cho dân số khổng lồ, vốn đang phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt năng lượng và mất điện hàng ngày. Do đó, mối lo ngại lớn nhất của Trung Quốc và Ấn Độ là làm sao đảm bảo có đủ năng lượng cung cấp cho sự phát triển kinh tế và ngăn chặn tình trạng thiếu hụt năng lượng vốn có thể dẫn đến bất ổn chính trị - xã hội. Đối với Ấn Độ, nơi cuộc khủng hoảng cán cân thanh toán năm 1990 vẫn còn in đậm trong tâm trí các nhà hoạch định chính sách, sản xuất quốc tế cũng là một cách để đối phó với rủi ro giá dầu tăng cao. Vì vậy Trung Quốc và Ấn Độ, cũng như những quốc gia chủ chốt khác như Brazil, nên được đưa vào hệ thống an ninh năng lượng IEA hiện có nhằm trấn an họ rằng lợi ích của họ sẽ được bảo vệ trước những bất ổn và để rằng hệ thống này sẽ làm việc hiệu quả hơn.

An ninh và sự linh hoạt

Mô hình an ninh năng lượng hiện nay, ra đời sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1973, tập trung chủ yếu vào cách thức kiểm soát bất kỳ sự gián đoạn nguồn cung dầu nào từ các quốc gia sản xuất. Ngày nay, khái niệm an ninh năng lượng cần được mở rộng để bao hàm cả việc bảo vệ toàn bộ chuỗi cung ứng và cơ sở hạ tầng năng lượng. Riêng ở nước Mỹ, có hơn 150 nhà máy lọc dầu, 4.000 dàn khoan dầu ngoài khơi, đường ống dẫn dầu dài 160.000 dặm, các cơ sở để xuất nhập khẩu hơn 15 triệu thùng dầu mỗi ngày, 10.400 nhà máy điện, 160.000 dặm dây truyền tải điện cao áp cùng hàng triệu dặm dây phân phối điện, 410 kho dự trữ khí dưới lòng đất, và 1,4 triệu dặm đường ống dẫn khí tự nhiên. Tuy nhiên, không có chuỗi cung

ứng thống nhất và phức tạp nào trên thế giới được xây dựng mà khía cạnh an ninh theo nghĩa rộng như vậy được tính toán đầy đủ. Con bão Katrina và Rita đã mang lại cách nhìn mới về vấn đề an ninh thông qua sự chứng minh hệ thống lưới điện đóng vai trò quan trọng đối với mọi thứ khác như thế nào. Sau cơn bão, những nhà máy lọc dầu ven vùng Vịnh [Mexico] và các đường ống dẫn dầu lớn của Mỹ đã không thể hoạt động, không phải vì chúng bị hư hại mà vì không có điện để hoạt động.

Sự phụ thuộc lẫn nhau về năng lượng và quy mô tăng trưởng ngành thương mại năng lượng đòi hỏi sự phối hợp liên tục giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng nhằm đảm bảo an ninh cho toàn chuỗi cung ứng. Những đường ống dẫn dầu dài xuyên biên giới đã trở thành đặc điểm lớn hơn bao giờ hết trong nền thương mại năng lượng toàn cầu. Ngoài ra còn có nhiều điểm nghẽn trong lộ trình dẫn dầu qua biển, và trong nhiều trường hợp là cả khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), tạo nên những khu vực dễ bị tổn thương, như eo biển Hormuz nằm ngay lối vào vịnh Ba Tư; kênh đào Suez nối Biển Đỏ và Địa Trung Hải; eo biển Bab el Mandeb ở cửa Biển Đỏ; eo biển Bosphorus, kênh xuất khẩu chính cho dầu khai thác ở Nga và biển Caspi; và eo biển Malacca, nơi 80% dầu của Nhật Bản và Hàn Quốc cùng một nửa số dầu của Trung Quốc được vận chuyển qua. Những con tàu bị các quân đội bắt giữ hay bị đánh chìm trên những tuyến đường thủy chiến lược này có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng trong thời gian dài. Đảm bảo an ninh cho các đường ống và các điểm nghẽn đòi hỏi việc tăng cường giám sát cũng như việc phát triển khả năng phản ứng nhanh đa phương.

Thách thức về an ninh năng lượng sẽ còn cấp bách hơn trong những năm sắp tới, do qui mô của nền thương mại năng lượng toàn cầu sẽ tăng lên đáng kể khi thị trường thế giới trở nên gắn kết. Gần đây, mỗi ngày có khoảng 40 triệu thùng dầu được vận chuyển xuyên đại dương bằng những con tàu chở dầu; đến năm 2020, con số đó có thể lên đến 67 triệu thùng. Tới lúc đó, Mỹ có thể nhập khẩu 70% lượng dầu tiêu thụ của mình (so với 58% ở hiện tại và 33% ở năm 1973), và Trung Quốc cũng tương tự như vậy. Lượng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) được vận chuyển qua các đại dương sẽ tăng gấp ba lần tới 460 triệu tấn vào năm 2020. Hoa Kỳ sẽ là một phần quan trọng trong thị trường năng lượng đó: mặc dù LNG chỉ đáp ứng 3% nhu cầu của Mỹ hiện tại, nhưng tỉ lệ đó sẽ lên tới hơn 25% vào năm 2020. Việc đảm bảo an ninh cho thị trường năng lượng toàn cầu sẽ đòi hỏi sự phối hợp giữa chính phủ và doanh nghiệp trên phạm vi quốc tế lẫn quốc gia, bao gồm các cơ quan về năng lượng, môi trường, quân sự, chấp pháp và tình báo.

Tuy nhiên, ở Mỹ cũng như các quốc gia khác, phạm vi trách nhiệm và những nguồn ngân sách để bảo vệ các cơ sở hạ tầng trọng yếu, như năng lượng, vẫn chưa rõ ràng. Khu vực tư nhân, chính phủ liên bang, các cơ quan cấp tiểu bang và địa phương cần có biện pháp để phối hợp hành động tốt hơn. Việc duy trì những cam kết như vậy trong suốt thời gian giá dầu thấp hoặc vừa phải cần đến kỷ luật cũng như sự cảnh giác. Theo Stephen Flynn, một chuyên gia an ninh nội địa tại Hội đồng Quan hệ Nước ngoài (CFR): “An ninh không phải miễn phí.” Cả khu vực công và tư cần phải đầu tư đưa một cấp độ an ninh cao hơn vào hệ

thống năng lượng— có nghĩa là an ninh năng lượng sẽ được tính vào giá năng lượng cũng như chi phí cho an ninh nội địa.

Các thị trường cần được nhìn nhận như một nguồn của an ninh. Hệ thống an ninh năng lượng được thiết lập khi giá năng lượng đang được điều tiết ở Mỹ, giao dịch năng lượng chỉ mới bắt đầu và các thị trường hợp đồng tương lai mấy năm sau mới được thực hiện. Ngày nay, những thị trường năng lượng lớn, linh hoạt và hoạt động tốt sẽ đem lại an ninh bằng cách giảm nhẹ những cú sốc kinh tế và cho phép cung và cầu phản ứng nhanh hơn và hiệu quả hơn so với hệ thống có kiểm soát. Những thị trường như vậy sẽ đảm bảo an ninh cho thị trường LNG đang tăng trưởng, từ đó thúc đẩy niềm tin của các quốc gia nhập khẩu. Do đó, các chính phủ phải chống lại sự cám dỗ khuất phục trước áp lực chính trị và quản lý quá chi tiết các thị trường. Sự kiểm soát và can thiệp, cho dù mang ý định tốt tới đâu, cũng có thể phản tác dụng, làm chậm lại và thậm chí ngăn cản sự dịch chuyển của nguồn cung để phản ứng lại tình trạng nguồn cung bị gián đoạn. Ít nhất là ở Mỹ, bất kỳ sự tăng giá dầu đột biến hay sự gián đoạn nguồn cung nào đều gợi lại kí ức không tốt đẹp gì về những dòng người xếp hàng mua xăng những năm 1970, đối với ngay cả những người lúc đó mới chỉ là những đứa trẻ mới biết đi (và thậm chí đối với cả những người lúc đó chưa được sinh ra). Nhưng những dòng người xếp hàng đó ở một mức độ nhất định là một hậu quả nước Mỹ tự gây ra từ việc kiểm soát giá cả và hệ thống phân phối cứng nhắc, vốn đã chuyển xăng đến những nơi không có nhu cầu và ngược lại.

Hãy so sánh điều đó với những gì xảy ra ngay sau cơn bão Katrina. Một sự gián đoạn lớn trong nguồn cung dầu ở Mỹ được làm trầm trọng thêm bởi những báo cáo về mức giá dầu cất cổ và những trạm xăng khô cạn, tất cả đáng lẽ ra đã dẫn tới những dòng người xếp hàng chờ mua xăng dọc bờ Đông nước Mỹ. Nhưng thị trường đã sớm cân bằng trở lại và giá cả giảm xuống nhanh chóng hơn mọi người nghĩ. Những đợt cung khẩn cấp từ kho Dự trữ Dầu Chiến lược của Mỹ cũng như những kho dự trữ khác của IEA đã gửi tín hiệu “đừng hoảng sợ” đến thị trường. Cùng lúc đó, hai hạn chế lớn từ các qui định đã được nói lỏng. Thứ nhất là Đạo luật Jones (cấm những con tàu không treo cờ Mỹ vận chuyển hàng hóa qua lại giữa các cảng nước này) đã được tạm hoãn nhằm cho phép những con tàu chở dầu không phải của Mỹ chở dầu đang bị mắc kẹt ở khu vực vùng Vịnh (Mexico) vòng qua Florida sang Bờ Đông. Thứ hai là quy định yêu cầu các thành phố khác nhau có tiêu chuẩn về chất lượng xăng khác nhau đã được tạm thời dỡ bỏ nhằm cho phép đưa các nguồn cung từ những nơi khác của quốc gia đến khu vực Đông Nam của Mỹ. Kinh nghiệm cho thấy sự quan trọng của việc đưa sự linh hoạt về chính sách quản lý và môi trường cũng như sự thấu hiểu những trở ngại đối với việc thực hiện điều chỉnh vào cỗ máy an ninh năng lượng nhằm đối phó hiệu quả nhất sự gián đoạn nguồn cung và những tình huống khẩn cấp.

Chính phủ Mỹ và khu vực tư nhân nên có một cam kết mới về việc sử dụng hiệu quả và bảo tồn nguồn năng lượng. Mặc dù thường bị đánh giá thấp, nhưng yếu tố tiết kiệm năng lượng có ảnh hưởng rất lớn đối với nền kinh tế trong vài thập niên qua. Trong 30 năm qua,

GDP của Mỹ đã tăng đến 150%, trong khi lượng tiêu thụ năng lượng chỉ tăng khoảng 25%. Trong những năm 1970 và 1980, nhiều ý kiến cho việc tiết kiệm năng lượng như vậy là không thể, hay nhất định sẽ làm tổn hại đến nền kinh tế. Đúng vậy, nhiều thành công về sử dụng năng lượng hiệu quả hơn là do nền kinh tế Mỹ đã “nhẹ hơn” cách đây ba thập kỉ, theo cách nói của Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Alan Greenspan, nghĩa là GDP hiện tại bao gồm hoạt động sản xuất ít hơn và dịch vụ nhiều hơn (đặc biệt là ngành công nghệ thông tin) so với những gì người ta có thể tưởng tượng vào những năm 1970. Nhưng điểm mấu chốt vẫn còn đó: việc thực hiện tiết kiệm năng lượng đã thành công. Những bước tiến công nghệ trong hiện tại và tương lai có thể tạo thêm những thành tựu lớn hơn nữa, mang lại lợi ích không chỉ cho các nền kinh tế phát triển như Mỹ mà còn cho các nền kinh tế của các quốc gia như Ấn Độ và Trung Quốc (thực tế, Trung Quốc gần đây đang ưu tiên thực hiện việc tiết kiệm năng lượng).

Cuối cùng, bản thân môi trường đầu tư phải trở thành mối quan tâm hàng đầu về an ninh năng lượng. Cần có một dòng chảy đầu tư và công nghệ liên tục nhằm phát triển những nguồn năng lượng mới. Cơ quan IEA gần đây đã ước tính cần khoảng 17 nghìn tỉ đô la cho việc phát triển các mỏ dầu mới trong 25 năm kế tiếp. Những dòng vốn này sẽ không có được nếu không có những khuôn khổ đầu tư ổn định và hợp lí, những chính sách kịp thời của chính phủ, và những thị trường mở. Biện pháp nào để thúc đẩy đầu tư năng lượng sẽ là một trong những vấn đề trọng điểm trong chương trình nghị sự an ninh năng lượng của G8 năm 2006.

Những cú sốc trong tương lai

Tất nhiên, sẽ có những cú sốc đối với thị trường năng lượng trong tương lai. Một vài nguyên nhân có thể dự đoán được, ví dụ như các cuộc tấn công khủng bố có phối hợp, việc gián đoạn nguồn cung ở Trung Đông và Châu Phi, hay những bất ổn ở Mỹ La-tinh làm ảnh hưởng đến sản lượng dầu của Venezuela, quốc gia sản xuất dầu lớn thứ ba OPEC. Tuy nhiên, những nguyên nhân khả dĩ khác có lẽ sẽ bất ngờ xảy ra. Ngành công nghiệp dầu mỏ đã xây dựng những dàn khoan để chống chịu với “con bão trăm năm” – nhưng không ai biết trước rằng hai cơn bão hủy diệt như vậy sẽ đánh vào những tổ hợp giàn khoan lớn ở vịnh Mexico liên tiếp trong vòng một tuần. Và những người thành lập hệ thống chia sẻ khẩn cấp của IEA trong những năm 1970 đã không hề nghĩ đến việc kích hoạt hệ thống này để đẩy lùi những thiệt hại từ việc gián đoạn nguồn cung ngay chính trong nước Mỹ.

Đa dạng hóa sẽ tiếp tục là nguyên tắc cơ bản đầu tiên về an ninh năng lượng đối với cả dầu mỏ và khí đốt. Tuy nhiên, ngày nay có lẽ cũng cần phát triển một thế hệ các công nghệ mới về năng lượng hạt nhân và “than sạch”, cũng như thúc đẩy vai trò ngày càng lớn của các loại năng lượng tái tạo khi chúng trở nên cạnh tranh hơn. Chúng ta cũng cần đầu tư thêm vào công nghệ mới, từ những công nghệ cần thời gian ngắn như việc chuyển đổi khí tự

nhiên sang nhiên liệu lỏng, đến những công nghệ còn trong giai đoạn thí nghiệm như việc nghiên cứu về các nguồn năng lượng sinh học. Ngày nay, đầu tư vào công nghệ đối với tất cả các dạng năng lượng dần tăng lên, ảnh hưởng tích cực không chỉ đối với bối cảnh năng lượng trong tương lai mà còn đối với môi trường.

Nhưng an ninh năng lượng cũng tồn tại trong một bối cảnh lớn hơn. Trong một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, an ninh năng lượng sẽ phụ thuộc nhiều vào cách các quốc gia quản lý quan hệ với các nước khác trong khuôn khổ song phương và đa phương. Đó cũng là lý do tại sao an ninh năng lượng sẽ là một trong những thách thức chủ chốt đối với chính sách đối ngoại Mỹ trong những năm tới. Một phần của thách thức đó sẽ là việc dự đoán và đánh giá các bối cảnh giả định. Và điều đó đòi hỏi chúng ta phải có tầm nhìn sắc bén và toàn diện vượt ra khỏi những thăng trầm chu kỳ đối với thực tế một hệ thống năng lượng toàn cầu ngày càng phức tạp, gắn kết hơn, lẫn các mối quan hệ giữa các quốc gia tham gia vào hệ thống đó.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

Biên dịch: Trần Thạch Thương Thương | Hiệu đính: Lê Hồng Hiệp

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.